

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 101/TTr-SXD ngày 09/3/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026;
2. Bãi bỏ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư Pháp;
- Các P.CVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Các P, TT: NNMT, KTTH, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, CNXD (HvC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

QUY ĐỊNH

Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về các hoạt động trong việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, Nghị định số 98/2019/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan nhà nước được phân công, phân cấp quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk liên quan đến hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Điều 2. Nguyên tắc chung về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh

1. Việc cung cấp và tiêu thụ nước sạch phải đúng mục đích, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chất lượng nước cung cấp cho các mục đích tiêu thụ nước trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật do nhà nước quy định.

3. Khuyến khích các thành phần kinh tế, cộng đồng xã hội tham gia đầu tư phát triển, quản lý hoạt động cấp nước.

4. Mọi tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cấp nước.

Chương II XÁC ĐỊNH VÙNG PHỤC VỤ CẤP NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CẤP NƯỚC

Điều 3. Xác định vùng phục vụ cấp nước

1. Vùng phục vụ cấp nước được quy định tại Điều 32 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xác định vùng cấp nước trên cơ sở đề xuất của nhà đầu tư hoặc đơn vị cấp nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chấp thuận. Vùng phục vụ cấp nước được xem xét điều chỉnh phù hợp với các loại quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15; năng lực đơn vị cấp nước và yêu cầu thực tế.

3. Trong vùng phục vụ cấp nước, các đơn vị cấp nước có trách nhiệm đảm bảo lưu lượng nước cấp theo yêu cầu của khách hàng sử dụng nước và đảm bảo năng lực cấp nước.

Điều 4. Đầu tư phát triển cấp nước

1. Việc thực hiện đầu tư phát triển cấp nước thực hiện theo Chương III Nghị định số 117/2007/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP, Nghị định số 98/2019/NĐ-CP và Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

2. Việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng xây dựng các công trình cấp nước phải tuân theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

Chương III CUNG CẤP VÀ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Mục 1 ĐẦU NỐI VÀ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Điều 5. Hợp đồng dịch vụ cấp nước

1. Việc cung cấp và tiêu thụ nước sạch thực hiện theo hợp đồng dịch vụ cấp nước được ký kết giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.

2. Đơn vị cấp nước soạn thảo các hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2008/TT-BXD và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành để áp dụng với các khách hàng thuộc phạm vi cấp nước của mình.

Điều 6. Thỏa thuận đầu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước

Thỏa thuận đầu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước thực hiện theo quy định tại Điều 42, 43 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-CP.

Điều 7. Vị trí thiết lập điểm đầu nối, lắp đặt đồng hồ đo nước

1. Tại một địa điểm đề nghị cung cấp dịch vụ cấp nước của khách hàng được thiết lập một điểm đầu nối và một đồng hồ đo nước, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa khách hàng và đơn vị cấp nước. Vị trí điểm đầu nối và đồng hồ đo nước theo quy định tại các Điều 39, 41 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và phù hợp với việc kiểm tra, ghi đọc đồng hồ của đơn vị cấp nước cùng việc bảo quản, sử dụng của khách hàng.

2. Trường hợp không có vị trí phù hợp để đặt điểm đầu nối và đồng hồ đo nước, khách hàng có thể thỏa thuận với các hộ liền kề để đặt nhờ và phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ điểm đầu nối, đồng hồ đo nước đó, tạo điều kiện cho đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra, ghi đọc đồng hồ.

3. Đối với khu nhà cao tầng chưa có hệ thống cấp nước cục bộ thì từng hộ có thể được đầu nối và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước riêng nhưng điểm đầu nối và đồng hồ đo nước được đặt tại vị trí phù hợp với điều kiện cấp nước tại khu vực đó.

Điều 8. Chất lượng dịch vụ cấp nước tại điểm đầu nối

Đơn vị cấp nước đảm bảo chất lượng dịch vụ cấp nước cung cấp cho khách hàng tại điểm đầu nối như sau:

1. Chất lượng nước sạch tại điểm đầu nối theo quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước.
2. Áp lực tự do trong mạng lưới cấp nước sinh hoạt của khu dân cư, tại điểm lấy nước vào nhà, tính từ mặt đất không được < 10 m.
3. Thời gian cấp nước trong điều kiện bình thường là 24 giờ/ngày, khu vực khó khăn về nguồn nước, mạng lưới cấp nước thì tối thiểu là 12 giờ/ngày.

Điều 9. Di chuyển vị trí điểm đầu nối, đường ống và đồng hồ đo nước

1. Khi khách hàng xây dựng hoặc cải tạo nhà ở, trụ sở, nhà xưởng hoặc các công trình khác làm vị trí hiện thời của điểm đầu nối, đường ống và đồng hồ đo nước không thuận lợi cho việc kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng, ghi đọc của đơn vị cấp nước thì phải di chuyển điểm đầu nối, đường ống, đồng hồ đo nước sang vị trí phù hợp. Việc di chuyển do đơn vị cấp nước thực hiện, khách hàng thanh toán chi phí di chuyển cho đơn vị cấp nước.

2. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi mặt bằng tại khu vực đặt điểm đầu nối, đường ống và đồng hồ đo nước của khách hàng, đơn vị cấp nước thực hiện việc di chuyển, chi phí di chuyển được cơ quan ra quyết định giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục 2

SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 10. Đo đếm lượng nước sử dụng

1. Đơn vị cấp nước đảm bảo các đồng hồ đo nước phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và được kiểm định, niêm phong trước khi lắp đặt.

2. Lượng nước đã sử dụng là chênh lệch chỉ số mét khối trên đồng hồ của lần ghi đọc hiện thời với lần ghi đọc liền trước đó. Nếu khách hàng có nhiều mục đích sử dụng nước có mức giá khác nhau qua một đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng cho từng mục đích được tính theo tỷ lệ phù hợp do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định.

Điều 11. Ghi đọc đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước tổ chức việc ghi đọc đồng hồ định kỳ hàng tháng để xác định lượng nước khách hàng đã sử dụng, thông báo lịch ghi đọc đồng hồ đo nước và thông báo lượng nước đã sử dụng cho khách hàng biết.

2. Khách hàng sử dụng nước phải tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị cấp nước thực hiện ghi đọc đồng hồ đo nước theo lịch đã thông báo và khắc phục các yếu tố gây cản trở, khó khăn để ghi đọc đồng hồ theo thông báo của đơn vị cấp nước.

Điều 12. Giá nước sạch và thanh toán tiền nước

1. Giá nước sạch thực hiện theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 140/2025/QH15; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn luật giá và theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Đơn vị cấp nước thu tiền nước của khách hàng định kỳ hàng tháng. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời hạn.

3. Trường hợp khách hàng có yêu cầu xem xét lại về số tiền nước phải thanh toán do nghi ngờ ghi đọc đồng hồ sai, đồng hồ không chính xác hoặc tính giá nước không đúng thì trong khi chờ giải quyết vẫn phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền nước theo hóa đơn được phát hành. Đơn vị cấp nước sau khi kiểm tra, xác minh, nếu khiếu nại là đúng thì đơn vị cấp nước tính toán lại số tiền nước của khách hàng và điều chỉnh lại trong lần thanh toán tiếp theo, nếu xác định do đồng hồ không chính xác thì đơn vị cấp nước làm thủ tục thay thế đồng hồ theo quy định.

4. Trước khi hết thời hạn thanh toán tiền nước theo hợp đồng, đơn vị cấp nước có thể chấp thuận cho khách hàng được lùi ngày trả tiền nước mà vẫn cấp nước nếu khách hàng có đề nghị chậm thanh toán bằng văn bản và có lý do chính đáng.

Điều 13. Đường ống sau đồng hồ

1. Khách hàng chịu trách nhiệm lắp đặt, sửa chữa đường ống dẫn nước sau đồng hồ và chịu các thiệt hại do rò rỉ, thất thoát trong quá trình sử dụng.

2. Đường ống dẫn nước sau đồng hồ của khách hàng phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.
- b) Không đấu nối với đường ống của nguồn nước do đơn vị cấp nước khác cung cấp hoặc của các nguồn nước giếng khoan, ao, hồ.
- c) Không sử dụng các chủng loại vật tư, thiết bị có thể gây nhiễm độc.
- d) Không lắp đặt vào các vị trí có khả năng gây ô nhiễm vào nguồn nước sạch.

Điều 14. Kiểm định lại đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện bảo dưỡng, kiểm định lại định kỳ đồng hồ đo nước theo yêu cầu và thời hạn do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường quy định.

2. Đồng hồ đo nước được kiểm định bất thường trong các trường hợp sau:

a) Do khách hàng yêu cầu khi nghi ngờ về tính chính xác của đồng hồ đo nước. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm giải quyết yêu cầu của khách hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

b) Do đơn vị cấp nước yêu cầu khi đồng hồ kẹt, hư hỏng (bẹp, vỡ, cháy), chỉ niêm phong không còn nguyên vẹn hoặc có dấu hiệu không bình thường khác. Khách hàng phải phối hợp với đơn vị cấp nước để kiểm định đồng hồ khi có yêu cầu.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về đo lường.

3. Việc kiểm định lại đồng hồ được thực hiện tại tổ chức kiểm định có thẩm quyền hoặc được ủy quyền. Trong thời gian tháo đồng hồ để kiểm định lại, việc cấp nước do hai bên thỏa thuận.

4. Trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều này, nếu kết quả kiểm định xác định đồng hồ phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam thì khách hàng phải chịu chi phí kiểm định, nếu xác định đồng hồ không đạt Tiêu chuẩn thì đơn vị cấp nước phải chịu chi phí kiểm định, thay thế đồng hồ mới cho khách hàng. Đơn vị cấp nước phải tính lại tiền nước của khách hàng trong tháng liền trước nếu đồng hồ chạy nhanh vượt qua giới hạn sai số cho phép và hoàn trả khoản tiền nước thừa (nếu có).

5. Trường hợp tại điểm b khoản 2 Điều này, nếu kết quả kiểm định xác định đồng hồ vẫn phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam, tình trạng kỹ thuật đảm bảo thì đơn vị cấp nước phải chịu chi phí kiểm định đồng hồ.

a) Nếu xác định đồng hồ hư hỏng do lỗi kỹ thuật hoặc do đơn vị cấp nước gây ra thì đơn vị cấp nước chịu chi phí kiểm định, thay thế đồng hồ mới cho khách hàng, tính lại tiền nước của khách hàng trong tháng liền trước nếu đồng hồ chạy nhanh vượt quá giới hạn sai số cho phép và hoàn trả khoản tiền nước thừa nếu có.

b) Nếu xác định đồng hồ hư hỏng do khách hàng gây ra hoặc không thực hiện đúng các quy định về bảo quản, sử dụng đồng hồ thì khách hàng chịu chi phí kiểm định và thay thế đồng hồ; đơn vị cấp nước được tính thêm lượng nước đã sử dụng của khách hàng tương ứng với sai lệch do đồng hồ chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép.

c) Nếu đồng hồ bị kẹt hoặc hư hỏng hoàn toàn không báo chỉ số và không kiểm định được thì lượng nước sử dụng xác định theo thỏa thuận giữa khách hàng và đơn vị cấp nước; đồng thời, đơn vị cấp nước chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, kiểm định đồng hồ hoặc thay thế lắp đặt đồng hồ mới.

Điều 15. Sửa chữa, thay thế đường ống, đồng hồ đo nước

1. Khi phát hiện các hư hỏng đường ống, đồng hồ đo nước hoặc các phụ tùng đấu nối liên quan, khách hàng phải thông báo ngay cho bộ phận quản lý tại địa bàn của đơn vị cấp nước để sửa chữa, thay thế. Chi phí sửa chữa, thay thế do khách hàng thanh toán cho đơn vị cấp nước nếu do khách hàng làm hỏng, các trường hợp sửa chữa, thay thế khác do đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm.

2. Trường hợp mức sử dụng thực tế của khách hàng không phù hợp với điều kiện đo đếm của cỡ đồng hồ đo nước được lắp đặt thì đơn vị cấp nước có quyền yêu cầu thay đồng hồ đo nước khác có cỡ phù hợp và thu hồi đồng hồ cũ, đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm về các chi phí thay thế đồng hồ đo nước.

Điều 16. Tạm ngừng cấp nước và ngừng cấp nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Mục 3 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cấp nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng nước

1. Khách hàng sử dụng nước có các quyền sau:

a) Yêu cầu đơn vị cấp nước thiết lập điểm đầu nối, ký hợp đồng dịch vụ cấp nước theo quy định và khiếu nại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu đơn vị cấp nước không thực hiện;

b) Yêu cầu đơn vị cấp nước đảm bảo dịch vụ cấp nước hoặc xử lý kịp thời các sự cố xảy ra để đảm bảo việc cấp nước theo quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu các văn bản pháp luật về cung cấp và tiêu thụ nước sạch; được cung cấp các thông tin về chất lượng, áp lực cấp nước;

d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị cấp nước gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng sử dụng nước có các nghĩa vụ sau:

a) Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đăng ký; khi thay đổi mục đích sử dụng nước, khách hàng thông báo bằng văn bản cho đơn vị cấp nước để tính giá nước phù hợp, nếu không thông báo, đơn vị cấp nước được tính giá nước theo mục đích sử dụng thực tế, thu thêm tiền nước chênh lệch có sự thỏa thuận với khách hàng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin và phối hợp với đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra đường ống sau đồng hồ và các thao tác quản lý khác trong phạm vi quản lý của mình và liên quan;

c) Bảo vệ đường ống, thiết bị cấp nước và đồng hồ đo nước đã được lắp đặt, thông báo ngay cho đơn vị cấp nước về các hư hỏng, mất mát của công trình, đường ống, thiết bị và đồng hồ đo nước để kiểm tra, khắc phục;

d) Không được cho các hộ khác sử dụng nước bằng cách đầu nối vào đường ống dẫn nước sau đồng hồ làm ảnh hưởng đến khả năng đo đếm của đồng hồ, lưu lượng, áp lực cấp nước hoặc ảnh hưởng đến các khách hàng khác;

đ) Bồi thường cho đơn vị cấp nước những thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV **QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC**

Điều 19. Bảo vệ hành lang an toàn đường ống và công trình cấp nước

1. Thực hiện theo quy định tại Mục 2.10.1 QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Việc xác định và bảo vệ phạm vi các công trình khai thác nước thô (giếng khoan, công trình thu nước mặt) phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp thực hiện.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước và tuân thủ quy định này.

4. Trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

a) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quản lý hành lang bảo vệ tuyến ống, công trình cấp nước.

b) Trực tiếp liên hệ với đơn vị cấp nước để có ý kiến về giải pháp thi công, tránh ảnh hưởng đến an toàn công trình cấp nước.

c) Chỉ được khởi công xây dựng khi đã đủ điều kiện khởi công xây dựng công trình, thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan.

d) Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc theo yêu cầu.

5. Đơn vị cấp nước quản lý khu vực bảo vệ hành lang an toàn các đường ống cấp nước, tuyến ống nước phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Dựng biển báo hạn chế giao thông theo yêu cầu, thông báo khu vực bảo vệ hành lang tuyến ống theo quy định đủ để mọi người nhận biết hành lang tuyến ống và các yêu cầu bảo vệ.

b) Cắm các cột mốc tim, biên dọc hành lang tuyến ống với khoảng cách đủ để xác định chính xác vị trí tim tuyến ống.

c) Đối với các dự án đang thực hiện và sẽ đầu tư các tuyến ống cấp nước, đơn vị cấp nước (chủ đầu tư) phải bảo đảm điều kiện lắp đặt để các loại xe, phương tiện cơ giới có tải trọng phù hợp với tải trọng các tuyến đường giao thông hiện hữu và theo quy hoạch lưu thông băng ngang hành lang tuyến ống.

d) Tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20. Bảo vệ nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, đài nước, hồ chứa nước

1. Thực hiện theo quy định tại Mục 2.10.1 QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Đơn vị cấp nước quản lý thủy đài, hồ chứa nước phải dựng biển thông báo theo quy định để mọi người nhận biết khu vực an toàn thủy đài, hồ chứa nước và các yêu cầu bảo vệ; phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý; đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước; tổ chức giám sát, phối hợp với chính quyền địa phương phát hiện kịp thời để xử lý các trường hợp vi phạm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với hồ chứa nước không thuộc phạm vi quản lý của đơn vị cấp nước thì trách nhiệm quản lý thuộc về cơ quan có thẩm quyền được giao quản lý hồ chứa nước.

3. Đối với các thủy đài, hồ chứa nước chưa có khu vực bảo vệ an toàn cụ thể theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị cấp nước quản lý thủy đài, hồ chứa nước phải thực hiện ngay các nội dung sau: Thống kê danh mục các thủy đài, hồ chứa nước thuộc đơn vị cấp nước quản lý chưa có quyết định của cơ quan thẩm quyền, xác định khu vực bảo vệ an toàn thủy đài, hồ chứa nước; nghiên cứu, đề xuất giải pháp lập khu vực tạm thời, lập hồ sơ đề xuất thiết lập khu vực bảo vệ an toàn cho các thủy đài, hồ chứa nước bảo đảm an toàn, không để xảy ra sự cố có nguy cơ gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường xung quanh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo.

Điều 21. Bảo vệ mạng lưới cấp nước, các công trình phụ trợ khác

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ mạng lưới cấp nước an toàn phục vụ cho việc cấp nước và sử dụng nước sạch, khi phát hiện sự cố, các trường hợp rò rỉ nước từ mạng lưới đường ống cấp nước, khách hàng có trách nhiệm báo cáo ngay cho đơn vị cấp nước.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến công trình và mạng lưới cấp nước hoặc thi công các công trình làm ảnh hưởng đến công trình và mạng lưới cấp nước phải chịu mọi chi phí tổn thất về mặt sửa chữa, thoát nước, đồng thời phải khắc phục hậu quả gây thiệt hại đến công trình cấp nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các tổn thất đã gây ra theo quy định pháp luật.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với hệ thống, công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với hệ thống, công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trong địa giới hành chính quản lý.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG CẤP NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch khu vực đô thị, khu chức năng theo quy định của pháp luật về quy hoạch (sau đây gọi tắt là khu chức năng) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các phương án phát triển mạng lưới cấp nước khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị cung cấp nước xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá bán nước sạch khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá nước sạch đối với các công trình cấp nước tại khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Tài chính lập danh mục các công trình cấp nước kêu gọi đầu tư và đẩy mạnh thu hút đầu tư đối với các công trình liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước khu vực đô thị có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của nước sạch (trừ công trình nước sạch nông thôn tập trung).

9. Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch xây dựng kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

10. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tại khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch khu vực đô thị và khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thẩm định phương án giá bán nước sạch khu vực nông thôn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp định giá nước sạch đối với các công trình cấp nước tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, bảo vệ an toàn nguồn nước thô và hành lang bảo vệ các công trình cấp nước khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch xây dựng kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Tài chính lập danh mục các công trình cấp nước kêu gọi đầu tư và đẩy mạnh thu hút đầu tư đối với các công trình liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước nông thôn có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

8. Tổ chức xác định, phân vùng chức năng (cấp nước sinh hoạt,...) đối với nguồn nước mặt nội tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Tổ chức khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

10. Phối hợp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước.

11. Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước theo quy định.

13. Chủ trì, tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất và cung cấp nước sạch trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

14. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh.

2. Có ý kiến về phương án giá nước sạch do Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định gửi lấy ý kiến.

3. Phối hợp các sở ngành liên quan cân đối ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư nguồn vốn ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và các chính sách hỗ trợ khác cho các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch thuộc đối tượng được nhà nước quy định hỗ trợ.

4. Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch do doanh nghiệp nhà nước quản lý.

5. Tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện các đề án quy hoạch cấp nước theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trên cơ sở đề nghị của sở, ngành, địa phương, đơn vị, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan lập danh mục mời gọi đầu tư và đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư đối với các công trình liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế.

3. Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ 6 tháng, 01 năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tham gia thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ xử lý nước sạch đối với dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao và dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, phối hợp kiểm tra công nghệ đã được vận hành tại các dự án đầu tư được xây dựng.

2. Cập nhật và đăng tải các thông tin khoa học, kết quả nghiên cứu, sáng chế được công nhận ứng dụng hiệu quả trong lĩnh vực cấp nước.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường đối với việc sử dụng đồng hồ đo nước tại các đơn vị cấp nước.

Điều 28. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác đảm bảo an ninh, an toàn tại các công trình cung cấp nước sạch.

2. Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ liên quan phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã điều tra, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt của nhân dân.

3. Thực hiện công tác thẩm định thiết kế về phòng cháy chữa cháy (sau đây gọi tắt là PCCC); kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC; cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện PCCC, cứu nạn, cứu hộ; kiểm định phương tiện PCCC (đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026) đối với hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà theo đúng quy định tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và cứu nạn, cứu hộ.

4. Khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước PCCC; thường xuyên phối hợp kiểm tra sự hoạt động của hệ thống các trụ nước chữa cháy; phối hợp đề xuất duy tu, sửa chữa hoặc thay thế các trụ nước chữa cháy hư hỏng.

5. Phối hợp với đơn vị cấp nước xây dựng phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC đô thị và khu công nghiệp; phối hợp Sở Tài chính đề xuất bố trí kinh phí sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung do cơ quan Công an sử dụng để chữa cháy và thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

Điều 29. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên

1. Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn; đảm bảo các dịch vụ cấp nước đầy đủ, có sẵn để sử dụng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các

doanh nghiệp trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp; triển khai thực hiện, tổ chức giám sát kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn theo nhiệm vụ được giao.

2. Phối hợp với các đơn vị cấp nước bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước thuộc phạm vi quản lý.

3. Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp về Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng (trước ngày 20 tháng 6), 01 năm (trước ngày 20 tháng 12) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn như sau:

1. Tổ chức thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm toàn bộ trên địa giới hành chính của xã, phường do mình quản lý theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Mục IV Thông tư số 01/2008/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

2. Ưu tiên quỹ đất cho việc xây dựng các công trình cấp nước sạch theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm thực hiện công tác thu hồi đất theo quy định để nhà đầu tư triển khai dự án cấp nước.

3. Chủ trì, phối hợp với sở, ngành và các đơn vị cấp nước bảo vệ nguồn nước và an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn quản lý.

4. Thực hiện giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xử lý hành vi gây ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền; kiểm tra, xử lý các vi phạm xây dựng trong hành lang bảo vệ công trình cấp nước theo quy định pháp luật về xây dựng.

5. Tổ chức phổ biến, công khai đến người dân thực hiện quy trình tham gia ý kiến và giám sát cộng đồng gồm: Quy hoạch cấp nước, đề án cấp nước, kế hoạch phát triển cấp nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết với đơn vị cấp nước; quá trình triển khai thực hiện các dự án cấp nước; chất lượng dịch vụ và giá cung cấp nước sạch theo quy định tại Thông tư số 01/2008/TT-BXD, Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

6. Thỏa thuận nội dung kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước trên địa bàn; triển khai thực hiện và tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được phê duyệt trên địa bàn mình quản lý.

7. Phối hợp theo dõi việc triển khai quy hoạch cấp nước và các dự án đầu tư hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn, đồng thời báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan về các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền người dân hạn chế sử dụng nước dưới đất và tăng cường sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn.

9. Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn định kỳ 6 tháng (trước ngày 20 tháng 6), 01 năm (trước ngày 20 tháng 12), đột xuất theo yêu cầu của Sở Xây dựng (đối với cấp nước trên địa bàn đô thị) và Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với cấp nước trên địa bàn nông thôn).

Điều 31. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước

1. Cung cấp nước sạch đảm bảo chất lượng theo Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ trưởng Bộ Y tế và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi phục vụ theo nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Thông tư số 01/2008/TT-BXD.

3. Lập phương án giá nước sạch sau khi thống nhất với bên ký văn bản thỏa thuận dịch vụ cấp nước, trình Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định theo thẩm quyền tại quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

4. Có nghĩa vụ bảo đảm việc đấu nối các khách hàng sử dụng nước sạch vào mạng lưới cấp nước sạch trong vùng phục vụ của mình.

5. Tham gia ý kiến về quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

6. Lập kế hoạch cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước do mình quản lý tại đô thị và khu công nghiệp theo Điều 4 Thông tư số 08/2012/TT-BXD, báo cáo Sở Xây dựng thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn sau khi được phê duyệt. Đối với đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước nông thôn: Lập, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước do mình quản lý tại khu vực nông thôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

7. Tổ chức sản xuất an toàn, cung cấp ổn định dịch vụ cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo quy chuẩn kỹ thuật, hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết; đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch; ưu tiên sử dụng các thiết bị, vật tư ngành nước tiên tiến, có độ bền cao và không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân; lập kế hoạch hàng năm cho hoạt động kiểm tra, thay thế các tuyến ống và thiết bị trên mạng đường ống cấp nước xuống cấp hoặc hết hạn sử dụng.

8. Chủ trì phối hợp với đơn vị Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ xây dựng phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống cấp nước PCCC.

9. Chủ động tổ chức kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước và báo cáo định kỳ kết quả xét nghiệm mẫu nước cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý kịp thời.

10. Cân đối nguồn vốn, thực hiện việc đầu tư, mở rộng mạng lưới đường ống, công suất cấp nước đến các khu dân cư tập trung, tuyến dân cư chưa được cung cấp nước sạch khi có yêu cầu từ Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc từ Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở phù hợp với nội dung văn bản thỏa thuận dịch vụ cấp nước đã ký kết theo khoản 2 Điều này.

11. Khuyến khích doanh nghiệp, đơn vị cấp nước cập nhật và quản lý mạng lưới hệ thống cấp nước, áp lực nước, hệ thống van bằng hệ thống GIS phục vụ công tác quản lý, vận hành đảm bảo cấp nước an toàn.

12. Khi chuyên nhượng một phần hay toàn bộ quyền kinh doanh cấp nước sạch của đơn vị cấp nước sạch cho các tổ chức, cá nhân khác, doanh nghiệp, đơn vị cấp nước phải có ý kiến thỏa thuận với Sở Xây dựng nếu doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch cho khu vực đô thị và khu chức năng, với Sở Nông nghiệp và Môi trường nếu doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch cho khu vực nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý khu kinh tế nơi đã ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

13. Doanh nghiệp, đơn vị cấp nước sạch phải thông báo kịp thời cho các khách hàng sử dụng nước khi có sự cố xảy ra theo quy định và có biện pháp dự trữ nước trong thời gian khôi phục dịch vụ cấp nước.

14. Báo cáo tình hình hoạt động về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch định kỳ 06 tháng (trước ngày 20 tháng 6), 01 năm (trước ngày 20 tháng 12) về Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phân công trách nhiệm quản lý tại Điều 23, Điều 24 của Quy định này và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 32. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng nhà máy và mạng lưới cấp nước

1. Khi tiến hành đầu tư công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, chủ đầu tư phải tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cấp nước và các quy định tại Điều 34, 35, 37, 38 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP.

2. Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng và hoạt động của công trình cấp nước sạch do mình quản lý về Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Nội dung chuyển tiếp

Các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm soạn thảo và ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong

vùng phục vụ; soạn thảo và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch với các khách hàng thay thế toàn bộ các hợp đồng mua bán nước máy trước đây theo lộ trình phù hợp.

Các nội dung khác thực hiện theo Quy định này kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vướng mắc hoặc không phù hợp, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Sở Xây dựng để nghiên cứu, hướng dẫn theo thẩm quyền và tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định./.